

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20-01-2025
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn
Ông Hồ Quang Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 693/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 527/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1983 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- Bị đơn: Bà Phạm Kim N, sinh năm: 1978 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông và bà Phạm Kim N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2014. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi. Nay ông xác định không còn tình cảm nên xin ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông xác định không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Phạm Kim N đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng bà N vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà Phạm Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà N. Ông M yêu cầu được ly hôn nên xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Kim N xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, ông M cho rằng giữa hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, không còn tình cảm yêu thương nên yêu cầu ly hôn với bà N. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng để bà N tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của ông M. Điều đó chứng tỏ bà N đã không quan tâm đến việc hòa giải hàn gắn đoàn tụ cũng như bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình. Xét thấy, hôn nhân của ông M và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về việc xin ly hôn với bà N.

[3] Về con chung: Ông Minh xác Đ không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Minh xác Đ không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, nếu sau này có phát sinh tranh chấp bà N có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Ông Minh xác Đ không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn M về việc xin ly hôn với bà Phạm Kim N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông M phải chịu 300.000 đồng. Ngày 18/11/2024 ông M đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0005905 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, ông M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M, bà Phạm Kim N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Đoan